

PHÁP HOA NGHĨA SỞ

QUYỂN 3

PHẨM PHƯƠNG TIỆN THỨ HAI

(Phần 1)

Phẩm này gồm có bốn môn quan trọng: Ý nghĩa, giải thích tên, đồng khác và, chung riêng.

Hỏi: Kinh này ban đầu chủ trương khen ngợi trí tuệ sâu rộng của Phật, ngài Đa Bảo khen ngợi, gọi là đại tuệ bình đẳng, nên văn tuy có bảy trục mà tông quy về Nhất thừa, nay sao đầu tiên lại nói về phương tiện.

Đáp: Muốn nói lên Nhất thừa là chân thật thì trước phải nói Ba thừa là phương tiện. Nếu trước không nói Ba thừa là phương tiện, thì Nhất thừa là chân thật không được nói lên. Vì thế Kinh này chép: Khai pháp môn phương tiện để chỉ bày tướng chân thật. Chú thích kinh chép: đã đề xướng dự định quy về một mối, trước phải nói về ý nghĩa phân ra ba để làm chứng.

Hai là phần giải thích, tiếng Phạm gọi là Ủ-hòa Câu-xá-la, Ủ-hòa gọi là phương tiện. Câu-xá-la là thắng trí, nghĩa là phương tiện thắng trí. Nhưng tên của phương tiện thì có ly và hợp, ly gồm có ba nghĩa:

1. Theo lý giáo mà giải thích, lý chân chánh gọi là phương, lời nói khéo gọi là tiện, tức là ý nghĩa sâu xa lời lẽ khéo léo, văn và ý nghĩa cùng nêu nên gọi là phương tiện, ở đây giải thích chung cả Đại thừa Tiểu thừa, không phải chỉ riêng Ba thừa.

2. Nơi chúng sanh duyên vào gọi là phương, pháp của Như lai thích ứng giáo hóa gọi là tiện, bởi muốn do bệnh mà cho thuốc, nương vào phương mà ban tiện, căn cơ giáo pháp đều nêu nên gọi là phương tiện, đây cũng có cả Đại thừa Tiểu thừa, chẳng phải riêng Ba thừa.

3. Đạp trên nguy hiểm mà được an ổn gọi là phương, lãnh thọ giáo pháp được lợi ích gọi là tiện. Nguy hiểm trong cõi đời năm trước ác nếu không có ba thừa thì không an, nên nói đạp trên nguy hiểm được an.

Lãnh thọ giáo pháp ba thừa thì liền được lợi, vì thế lấy giáo làm phương, lấy lợi làm tiện, giáo pháp và lợi ích cùng nêu nên gọi là phương tiện, ở đây có cả Đại thừa Tiểu thừa, chẳng phải riêng Ba thừa.

Hợp giải thích cũng gồm có ba nghĩa:

1. Phương tiện là tên của khéo léo, khéo léo là dụng của trí. Lý thật không có ba, dùng năng lực phương tiện cho nên nói ba, vì thế gọi là khéo léo (khéo léo).

Hỏi: Không có ba thừa mà nói ba, sao gọi là khéo léo?

Đáp: Do không có ba mà nói ba khiến chúng sanh được lợi ích chân thật, vì thế gọi là khéo léo.

Hỏi: Đã được lợi ích chân thật thì nên gọi là thật, sao còn gọi là phương tiện?

Đáp: Theo lợi ích mà nói cũng được gọi là thật, nhưng theo lý thì thật không có ba mà giả danh nói ba, y theo giáo, nên gọi là Phương tiện.

2. Nói Ba thừa là để giúp cho chúng sanh ngộ nhập Nhất thừa nên Ba thừa này là lý do dẫn hướng đến Nhất thừa, nên gọi là phương tiện. Như văn sau chép: Ta lập ra phương tiện này là khiến chúng sanh được nhập trí tuệ Phật. Lại chép: Chín bộ pháp của ta lấy nhập Đại thừa làm gốc. Vì thế nói ba thừa là phương tiện của Nhất thừa.

3. Hợp hai nghĩa trên viên thành một ý chỉ, sở dĩ không có ba mà nói ba, là khiến do ba mà ngộ không ba, vì thế hai lời nói trên hợp thành một ý.

Hỏi: Ba thừa phương tiện có mấy loại?

Đáp: gồm có ba loại:

1. Thân phương tiện, như Phật Thọ Vương hiện làm người Nhi thừa và Trưởng giả mặc áo dơ xấu.

2. Miệng phương tiện, tức không có ba mà nói ba, như chỉ khổng ngoài cửa có ba thứ xe.

3. Ý phương tiện, tức hai lần suy nghĩ. Một là suy nghĩ về Phật quá khứ. Hai là suy nghĩ. Ta xuất hiện trong đời ác, đây là trên đồng với Phật xưa, dưới thuận theo chúng sanh, hai thứ nhân duyên này phát khởi trí phương tiện, nghĩa là ý phương tiện.

- Nói đồng và khác:

Hỏi: Xưa cũng nói ba thừa là phương tiện, Nhất thừa là chân thật, so với nay có gì khác?

Đáp: Nay phần tựa trước sau có bốn ý:

1. Dùng ba thừa làm phương tiện, dùng Nhất thừa làm chân thật.

Sở dĩ nói nghĩa này, bởi xưa người lãnh thọ giáo pháp chấp ba làm thật, không biết ba thừa là phương tiện. Vì muốn thực hành pháp ấy nên nói ba thừa là phương tiện, Nhất thừa là chân thật, khiến họ bỏ ba thừa vào Nhất thừa.

2. Người lãnh thọ giáo pháp tuy bỏ ba thừa nhưng phong kín một thật, tuy trừ bỏ thô hoặc mà nhiễm ô vi tế lại sanh. Để đối trị hạnh này nên nói ba thừa và Nhất thừa đều là phương tiện, chẳng phải ba chẳng phải một mới gọi là thật.

3. Người bảm thọ giáo pháp bèn hiểu ba thừa và Nhất thừa đều là phương tiện, lại phong kín chẳng phải hai là lý rốt ráo, nên nói ba, một, là hai, chẳng phải ba, chẳng phải một, gọi là không hai, hai và không hai là phương tiện. Chẳng phải hai, chẳng phải không hai chính là chân thật.

4. Hai và không hai, cho đến chẳng phải hai, chẳng phải không hai vẫn còn là bốn câu, chưa thoát khỏi danh ngôn, đều gọi là phương tiện. Tướng các pháp là vắng lặng, không thể dùng lời nói năng, đó chính là chân thật.

Thừa phương tiện, thừa chân thật đã có bốn cấp bậc như thế, thân phương tiện, thân chân thật cũng có bốn trường hợp:

1. Dùng ngắn làm phương tiện, dài làm chân thật.

2. Dài ngắn đều là phương tiện, chẳng dài chẳng ngắn là chân thật (Ngắn dài là tuổi thọ).

3. Dài ngắn là hai, chẳng dài chẳng ngắn là không hai, hai và không hai đều là phương tiện. Chẳng phải hai, chẳng phải không hai chính là chân thật.

4. Hai cùng với không hai, chẳng hai chẳng không hai vẫn là bốn trường hợp, chưa thoát khỏi danh ngôn, đều gọi là phương tiện. Pháp thân Như lai không có bốn trường hợp, dứt bật trăm phi, chính là chân thật. Cho nên, phẩm Như Lai Thọ Lượng giải thích pháp thân rằng: Chẳng thật, chẳng hư, chẳng giống, chẳng khác, chẳng sạch, chẳng dơ, chẳng đi, chẳng đến, chẳng có, chẳng không, tổng cộng gồm mười không.

- **Là nói phần chung và riêng:** Theo phần riêng thì dùng ba thừa làm phương tiện. Theo phần chung thì phương tiện lấy khéo léo làm nghĩa, khéo léo có ở cả xưa và nay. Nay muốn dung thông lý do gom ba về một, nên khen ngợi khéo léo của Chư Phật. Vì sao như vậy? Vì xưa nói ba thừa nay nói Nhất thừa, trước sau trái nhau nên nghĩa thành mâu thuẫn, chúng sanh không sanh tín nên hợp giải thích rằng: Sở dĩ xưa nói

ba nay nói một, bởi thấy rõ căn cơ chúng sanh mà khéo léo nói giáo, nên không trái nhau, cho nên chữ phương tiện là tên chung cả ba thừa và Nhất thừa, xưa nay dùng chung, nên ở đầu nêu tên là phẩm Phương Tiện. Nghĩa này khó rõ, nay dùng bốn trường hợp để nói lên:

1. Xưa khai nay che, nghĩa là xưa khai ba nay che ba.
2. Xưa che nay khai, nghĩa là xưa che một nay khai một.
3. Xưa nay đều che, xưa che một nay che ba
4. Xưa nay đều khai, xưa khai ba nay khai một

Sở dĩ có bốn trường hợp này, là do Như lai biết căn cơ, rõ pháp, dùng khéo léo làm duyên nên không trái nhau, vì thế đều gọi là phương tiện, và phương tiện có ở xưa và nay. Kế là nêu bốn trường hợp vô phương tiện để nói lên:

1. Xưa duyên chấp ba che Phật một, không biết nói ba thừa là bỏ một thừa.
2. Nay duyên chấp một che Phật ba, không biết tuy một mà không mất ba.
3. Chấp tự tánh ba, che Phật nhân duyên một, ba
4. Chấp tự tánh một, che Phật nhân duyên ba, một

Xưa chấp như ở đây là đều là vô phương tiện, vì thế vô phương tiện cũng có ở cả xưa và nay.

Hỏi: Đoạn văn nào nói phương tiện có ở cả xưa và nay.

Đáp: Đoạn văn ba lần xin: Pháp phương tiện bậc nhất của Chư Phật. Luận rằng ba thừa là phương tiện không gọi là bậc nhất, Nhất thừa là bậc nhất không gọi là phương tiện, nay nói bậc nhất phương tiện, tức biết trí khéo léo của Chư Phật gọi là bậc nhất phương tiện, có trí khéo léo này nên có thể nói Nhất thừa, ba thừa.

Hỏi: Nhất thừa cũng gọi là phương tiện nên gọi là phẩm Phương Tiện phải không?

Đáp: Cũng có thể như thế, cho nên kinh Thắng-man chép: Nhất thừa đại phương tiện, tức là đại khéo léo của Chư Phật. Kinh Thắng-man nói về Nhất thừa mà đề gọi là Nhất thừa đại phương tiện, kinh Pháp Hoa khai mở tông đầu lẽ ra cũng dùng Nhất thừa làm phương tiện.

Hỏi: Vì sao dùng Nhất thừa làm phương tiện?

Đáp: như Bách luận y theo “không” xả phước, mà văn luận chép: dùng vô tướng xả phước. Giải thích nói dùng phương tiện này thì có thể xả phước. Nếu xả “có” mà chấp đấm “không”, thì chẳng gọi là phương tiện, xả “có” mà chẳng đấm “không” nên gọi là Phương tiện. Luận Trí Độ chép: Phá thường mà đấm vô thường gọi là vô phương tiện vô

thường. Phá thường mà không đấm đối với vô thường gọi là hữu phương tiện vô thường. Lại chép: Phá hai không đấm một gọi là pháp nhẫn. Nay cũng như vậy, vì phá hai thừa nên nói Nhất thừa, cũng không khiến đấm một, vì thế Nhất thừa này gọi là phương tiện. Vì sao như vậy? Vì sanh tử lấy chấp tướng làm nguồn, nhập đạo lấy không đấm làm gốc, vì thế đoạn văn sau chép: “Ta dùng vô số phương tiện dẫn dắt chúng sanh khiến xa lìa mê đấm”.

Hỏi: Kinh Thắng-man, kinh Đại Phẩm và kinh này đều nói phương tiện, có gì khác nhau?

Đáp: gồm có bốn trường hợp:

1. Hợp thừa hợp tuệ, như kinh Thắng-man hợp năm thừa thành Nhất thừa, gọi là hợp thừa. Hoặc phương tiện, hoặc thật, đều gọi chung là đại phương tiện, gọi là hợp tuệ.

2. Khai thừa khai tuệ, như kinh Pháp Hoa chép: Chiếu ba là phương tiện, chiếu một là chân thật.

3. Khai thừa hợp tuệ, cũng như phần tựa kinh này, xưa hai nay một là khai thừa. Nhất thừa, ba thừa này đều là do Như lai biết căn cơ, rõ giáo pháp mà dùng phương tiện khéo léo nên gọi là hợp tuệ.

4. Hợp thừa khai tuệ, như kinh Đại phẩm nói chung tất cả thừa đều nhập Đại thừa. Như Phẩm Hội Tông chép: Hoặc pháp Phật, pháp Bồ-tát, pháp Nhị thừa đều nhập Ma-ha-diễn, nên gọi là hợp thừa. Trong Đại thừa tự khai hai tuệ Không, Hữu nên gọi là khai tuệ.

Hỏi: Kinh Đại Phẩm nói tất cả pháp đều nhập Đại thừa, có gì khác so với kinh Pháp Hoa?

Đáp: Kinh Đại Phẩm đã hội ở pháp nhưng chưa hội ở người. Hội ở pháp tức là muốn nói Đại thừa chẳng có pháp nào không gồm nhiếp, vì thế Đại Phẩm chép: Nếu có thật ngữ nhiếp tất cả các thiện, ấy là Bà-nhã. Chưa hội ở người tức lúc nói kinh Đại Phẩm người Nhị thừa căn cơ Đại thừa chưa thuần thực nên chưa hội ở người. Nay kinh Pháp Hoa hội cả người cả pháp, do hội ở người nên đồng gọi là Bồ-tát, hội ở pháp nên gọi là Nhất thừa. Luận Nhiếp Đại thừa nói có hai thứ hội:

1. Mật hội, như kinh Đại Phẩm nói tất cả các pháp đều nhập và Đại thừa.

2. Hiển hội, như kinh Pháp Hoa hội ở người

Lại có hai thứ hội:

1. Lý hội, như kinh Đại Phẩm nói tất cả các pháp đều nhập thật tướng, thật tướng đã không hai, há lại có ba thừa khác nhau sao?

2. Giáo hội: Quyển thứ bảy trong kinh Kim Quang Minh chép:

Pháp giới không có hai nên thừa không có ba, chỉ vì chưa hội nhập ba giáo nên không gọi là giáo hội. Kinh Pháp Hoa thì lý và giáo đều hội.

Hỏi: Ba thừa là phương tiện, có được gọi là thật hay không?

Đáp: Gồm có bốn trường hợp:

1. Xưa là thật nay là phương tiện, nghĩa là nay đối với một thì xưa là ba.

2. Xưa nay đều thật, xưa dùng ba thừa làm thật, nay dùng Nhất thừa làm thật.

3. Ba thừa, Nhất thừa đều là phương tiện, nói theo chánh đạo thì không hề có ba, một; ba, một đều là khai đạo, gọi là đạo môn, cho nên đều à phương tiện.

4. Nay thật, xưa là phương tiện, nay dùng Nhất thừa làm thật, xưa vì chẳng phải thật nghĩa nên gọi là phương tiện.

Hỏi: Nhân thừa, thiên thừa, có là phương tiện hay không?

Đáp: Nếu ba mươi ba cõi trời là thường lạc ngã tịnh, thì chỉ lá vàng nói là vàng thật cũng là phương tiện. Nếu nói năm giới mười thiện đều được thân trời người thì không gọi là phương tiện. Kế đây là khai câu văn. Từ Phẩm Phương Tiện cho đến phẩm Phân Biệt Công Đức trừ phần kệ, tức gồm mười lăm phẩm rưỡi, gọi là phần chính là nói kinh, chia thành hai phần lớn gồm có mười thứ:

1. Từ phẩm Phương Tiện đến phẩm Pháp Sư gồm có chín phẩm, nói về thừa phương tiện, thừa chân thật. Từ phẩm Hiện Thập bát uế sau gồm có sáu phẩm rưỡi là nói thân phương tiện, thân chân thật. Thuở trước ba thừa gọi là thừa phương tiện, nay nói Nhất thừa là thừa chân thật, thuở trước thân sanh diệt gọi là thân phương tiện, nay thân không sanh diệt là thân chân thật. Sở dĩ khai hai điều này, vì sự giáo hóa của Đức Thích-ca gồm có ba thời: cùng nói, cùng che, cùng khai.

a) Cùng nói: ban đầu Phật thành đạo, ở trong hội Hoa Nghiêm vì các Bồ-tát mà nói pháp rất ráo, nói thân tròn đầy. Như ông Trưởng giả ngồi trên ghế sư tử có vật báu xung quanh, tức là việc này, nên nói là cùng nói.

b) Cùng che, là người căn tánh nhỏ chưa kham nổi pháp Đại thừa, nên ở vườn Nai che Nhất thừa nói ba thừa, tức che bốn khai tích, như ông Trưởng giả ngăn người bên cạnh đừng bắt gã cùng tử nhưng lại sai người khác, ông lại cởi y phục quý giá mà mặc áo dơ xấu, tức là việc này, nên nói là cùng che.

c) Cùng khai: trong hội Pháp Hoa cùng khai hai phương tiện, cùng chỉ bày hai chân thật, tức gọi là cùng khai. Cùng nói là pháp luân cần

bản, cùng che là giáo pháp ngọn ngành, cùng khai là gom ngọn về gốc. Ba môn này không chỉ mình đức Thích-ca giáo hóa, mà gồm nhiếp tất cả giáo môn của Chư Phật, hội Pháp Hoa trước đủ đều ba môn này, nhưng đối với xưa là cùng che, cho nên nói cùng khai mà thôi.

2. Nói về Phật giáo hóa gồm có ba môn, trước khi nói Pháp Hoa nhiếp tất cả tà quy về chánh của năm thừa, gọi là môn nhiếp tà quy chánh. Phần đầu kinh này hội năm thừa khác nhau, đồng quy về một đạo, gọi là môn nhiếp dị quy đồng. Phần sau kinh này nói về quả của pháp thân, gọi là môn dẫn nhân hưởng đến quả. Ba môn này chẳng giáo pháp nào không gồm nhiếp, chẳng có hạng người nào không giáo hóa. Kinh này đối với xưa chỉ có hai môn, mà kết thúc hội trước sau lại đầy đủ ba môn, như bài tựa trong Pháp Hoa Huyền Nghĩa nói.

3. Nói về việc của Phật gồm có ba luân, đó là biết tâm người khác hiện thân lực và nói giáo môn. Ba luân này chẳng có Phật sự nào không gồm nhiếp, không có chúng sanh nào không giáo hóa. Phần đầu kinh gom giáo pháp năm thừa về Nhất thừa, nghĩa là nói pháp luân; phần sau kinh nói kéo dài thân ngấn tự tại thích ứng sự giáo hóa, nghĩa là thân thông luân. Vì thế đoạn văn trước chép: “Vì nói trí tuệ Phật nên Chư Phật xuất hiện ở đời, chương sau chép: Lực thần thông bí mật của Như lai, tức làm chứng việc này.

4. Nói về đức của Phật gồm có ba thứ: Pháp thân, Bà-nhã và giải thoát. Dùng chánh pháp làm thân nên gọi là Pháp thân, chẳng có cảnh nào không chiếu nên gọi là Bà-nhã, không hệ lụy nào không sạch hết nên gọi là Giải thoát. Sở dĩ đức của Phật chỉ nói ba thứ này, vì Pháp thân, Bà-nhã chẳng đức nào không tròn đầy, một môn giải thoát chẳng hệ lụy nào không dứt sạch. Đức không gì không tròn đầy lại chia làm hai là pháp thân và trí tuệ, như người thế gian có thân có trí hiểu biết. Lại nữa, pháp thân là thể, trí tuệ là dụng, nội trí chẳng có gì không chiếu gọi là Bà-nhã, ngoại cảm chẳng có gì không ứng bởi pháp thân. Lại nữa, vì đối sanh tử chỉ nói ba, vì đối sanh tử báo chương nên nói pháp thân, vì đối với sanh tử nghiệp chương nên nói giải thoát, vì đối phiền não chương nên nói Bà-nhã. Lại, tất cả mười hai nhân duyên không ngoài ba đạo là khổ đạo, nghiệp đạo, và phiền não đạo. Đức Như Lai ở trên đỉnh của Trung đạo bậc nhất nghĩa riêng biệt với cha mẹ vô minh có đủ ba đức. Lại đối với Nhị thừa chưa tròn đầy ba đức mà nói Như lai có ba đức tròn đầy. Lại, pháp thân nói là thân nghiệp của Như lai, Bà-nhã là nói về miệng nghiệp của Như lai, nói giải thoát là nói lên ý nghiệp của Như lai, như Phẩm Tứ tướng đã nói. Nay kinh này có đủ ba

đức nên gọi là diệu, người phạm phu Nhị thừa không đủ ba đức nên gọi là thô. Phần đầu kinh nói về Bà-nhã, phần sau kinh nói về Pháp thân, hai thứ này không còn hệ lụy là Giải thoát.

Hỏi: Phần sau kinh nói về Pháp thân có thể thấy trong văn, phần đầu kinh nói thế nào là Bà-nhã?

Đáp: Như trước chép: Kinh này ban đầu chủ trương khen ngợi trí tuệ sâu xa của Phật, đức Đa Bảo khen ngợi trí tuệ bình đẳng, tức là việc này.

Hỏi: Đoạn nào nói về đức giải thoát?

Đáp: Phẩm Thí Dụ chép: người Nhị thừa chỉ lìa luống dối gọi là giải thoát, thật ra chưa được giải thoát tất cả. chỉ lìa hư vọng gọi là giải thoát, đó chỉ thoát khỏi phần đoạn sanh tử trong ba cõi và kiến hoặc tư hoặc, nếu dứt hết năm trụ dứt hai sanh tử, gọi là giải thoát tất cả. Dùng pháp này chính là để phân biệt khác với Nhị thừa, khiến họ bỏ chấp ba mà về một.

5. Nói chung tất cả pháp Đại thừa Tiểu thừa đều không ngoài pháp môn nhân quả, nhân quả Đại thừa gồm có hai môn:

a) Nhân chung quả chung, nói tất cả Chư Phật ba đời mười phương có nhân thực hành không khác và đồng đắc quả nhất thừa, phần đầu văn kinh chính là nói về pháp này, tức nhân chung quả chung.

b) Nhân riêng quả riêng, nói về đức Thích-ca thành Phật đã lâu, có nhân thực hành lâu xa từ đời quá khứ, đời vị lai chứng quả thường trú bất diệt, đoạn sau kinh ý chính là nói pháp này, tức nhân riêng quả riêng.

6. Nói chung Chư Phật không ngoài hai trí quyền và thật, không ngoài chân thân và ứng thân. Trí thấy rõ ba thừa là quyền, trí thấy rõ nhất thừa là thật, phần đầu kinh chính là nói hai trí này. Hiện sanh ở cung vua, thành đạo ở Già-da là ứng thân, không đầu, không cuối, chẳng sanh, chẳng diệt là chân thân, đoạn sau kinh có nói về nghĩa này, vì thế luận ở hai thân.

7. Kinh này gọi là diệu pháp, tức là nhất thừa, nên phẩm Thí Dụ Thừa này là mâu nhiệm, thanh tịnh bậc nhất, đối với thế gian không còn pháp nào hơn. Thừa có hai thứ là pháp sở thừa và người năng thừa. Năng thừa, sở thừa tức nghĩa thừa mới viên. Phần đầu nói về pháp sở thừa tức pháp mâu nhiệm, kể là từ phẩm Hiện Thập bát trở đi là nói về người năng thừa, tức là người mâu nhiệm. Vì sao biết? Như phẩm Phương Tiện chép: Phật tự trụ trong pháp Đại thừa, như pháp sở đắc, sức định tuệ trang nghiêm, dùng đây độ chúng sanh, đây là pháp sở thừa. Từ

phẩm Hiện Tháp báu trở đi là giải thích Như lai nói nghĩa thường, vô thường, tức là người năng thừa. Người và pháp lại không có hai thể tức nói một mà chính là quán hai nghĩa để nói, nghĩa thống ngự là người, nghĩa vâng theo khuôn phép là pháp, nhưng chánh quán xét không hề có người, pháp, vì chúng sanh nên gương gọi là người, pháp.

8. Luận chung về chúng sanh mê muội có hai hạng, đó là mê nhân và mê quả. Phần đầu kinh phá chấp mê nhân, phần sau kinh bác bỏ mê quả. Xưa đối với một Phật thừa mà chia ra nói ba, tức chỉ nhân lớn là quả nhỏ, người nghe bèn chấp quả nhỏ này là rốt ráo, không biết quả nhỏ tức là nhân lớn, đó gọi là mê nhân. Nay chép: “Việc làm của các ông là đạo Bồ-tát”, tức lại chỉ quả nhỏ là nhân lớn, phá sự cố chấp rốt ráo của những người ấy, đó là phá chấp mê nhân.

Phần sau nói thân chân thật của Như lai là không sanh diệt, người Nhị thừa phàm phu cho là sanh diệt vô thường, vì phá sự mê này nên nói pháp thân thường trú, đó gọi là bác bỏ mê quả.

Hỏi: Xưa nói nhân lớn là quả nhỏ, nay lại chỉ quả nhỏ là nhân lớn, cũng có thể: Xưa nói pháp thân là sanh diệt, nay lại chỉ sanh diệt là pháp thân được không?

Đáp: Nghĩa này không đúng. Vì xưa che tướng mà nói thân Như lai có sanh diệt, nay mở cửa phương tiện, nói lên nghĩa chân thật, cho nên nói sanh diệt là ứng tích thân, không sanh diệt là pháp thân. Nhưng đối với những người chấp tích mê bồng, nên chia làm hai thân là ứng và chân, thật ra quả nhỏ nhân lớn không có hai pháp, so với thân chẳng so sánh được.

9. Nhiếp thâu chung về sự mê hoặc trái ngược gồm có hai thứ, đó là trái ngược, chính mình và trái ngược với người. Phần đầu kinh phá ở mình trái ngược, phần sau kinh phá trái ngược ở người khác.

Người Nhị thừa thật chẳng phải rốt ráo, do điên đảo nên tự cho là rốt ráo, ngài Xá-lợi-phất nói: “Nay con nơi trí mình, nghi ngờ không thể hiểu, đó là pháp rốt ráo, hay là đạo thực hành”, tức là việc này, đó là tự mình điên đảo

Phần sau kinh là phá trừ điên đảo ở người. Quả đức Như lai đối với người Nhị thừa gọi là người khác, tự mê hoặc thân mình đã nhập vô dư, cho rằng thân Như lai cũng như tro đã tắt, đó là điên đảo ở người. Nay hai đoạn kinh cùng phá hai sự điên đảo, đoạn đầu nói lên người Nhị thừa chẳng phải rốt ráo, đó là phá trừ điên đảo của bản thân, đoạn sau kinh nói pháp thân thường trú, đó là phá trừ điên đảo ở người, trừ hai sự điên đảo rồi thì tất cả hoặc đều hết, bỏ chí nhỏ phát tâm lớn. Lại

nữa, phần đầu kinh phá trừ điên đảo bản thân, tức khiến người Nhị thừa biết Niết-bàn kia chẳng phải thường trụ, đó là phá chấp thường điên đảo. Đoạn sau kinh phá trừ điên đảo với người tức nói lên thân thường trú của Như lai, phá trừ điên đảo vô thường. Hai điên đảo đã trừ hết thì mong được ngộ đạo.

Hỏi: Phần đầu kinh nói phá trừ thường đảo, vậy có phá đủ cả bốn đảo hay không?

Đáp: Phá đủ cả bốn đảo. Hàng Nhị thừa tự cho rằng Niết-bàn kia là thường tức có lạc, tịnh, tuy không có nhân ngã mà có pháp ngã, tức cũng có ngã đảo. Nên biết phần đầu kinh phá trừ đủ cả bốn thứ điên đảo thường, lạc, ngã, tịnh. Phần sau kinh người Nhị thừa cho rằng Phật là vô thường, khổ, không vô ngã, bất tịnh, nên phá trừ sai lầm này tức cũng phá đủ bốn thứ điên đảo. Kinh này trước sau đã phá đủ tám thứ điên đảo, tức là nói Niết-bàn đã rồi, người đáng ngộ đều đắc đạo, Phật Đấng Minh không cần nói kinh Niết-bàn, ý là ở đây. Chỉ vì đức Thích-ca vì người căn tánh chậm chạp chưa được ngộ, nên nói rộng Pháp Hoa, sau lại nói Niết-bàn.

Hỏi: Đoạn văn trước chỗ nào nói phá thường đảo?

Đáp: Phẩm Thí Dụ chép: Chỉ hết sanh tử mà thật ra là chưa diệt, chưa diệt há là thường sao? Đoạn sau phá vô thường đảo, văn ấy hiển rõ dễ thấy.

Hỏi: Người Nhị thừa nhân quả đều mê, tự tha đều điên đảo, đó là hoặc nào? Đáp: Người này đối với Bốn trụ đã phá đổ, chỉ có vô minh nên sanh ra sai lầm.

10. Nói về nói pháp gồm có hai môn, một là nói thẳng, hai là nói thành nhau. Phần đầu kinh gọi là nói thẳng, nghĩa là nói thẳng lý không hai chỉ một đạo thanh tịnh, gọi là diệu. Trong văn kinh “Chỉ có một cửa mà lại nhỏ hẹp”. Nói một là không có chín mười sáu thứ khác, cũng không sự khác nhau của năm thừa, chỉ có một đạo thanh tịnh nên gọi là một. Chí diệu, rộng rang gọi là cửa, không chứa tâm ái kiến của phàm phu nên gọi là hẹp, cũng không chứa kiến chấp đoạn thường của Nhị thừa nên gọi là nhỏ. Phần đầu kinh chính là nói về một đạo thanh tịnh, bác bỏ ái kiến của phàm phu, kiến chấp đoạn thường của Nhị thừa nên gọi là nói thẳng. Phần sau kinh gọi là nói thành nhau, trước tuy nói một đạo thanh tịnh, mà chưa biết một đạo này là vô thường hay thường trụ. Nếu là vô thường thì cũng đồng như chín mười sáu thứ, nếu là thường thì cũng không khác bốn thừa, chính là pháp thô, không phải pháp diệu. Một đạo thanh tịnh là thường hằng bất biến, vượt khỏi

thường, vô thường nên gọi là diệu. Nhưng thể của pháp đã là thường, thì người chứng pháp cũng là thường trụ, cho nên kinh Niết-bàn chép: “Chỗ quy thú của Chư Phật là pháp. Do pháp là thường nên Chư Phật cũng thường”. Do ở sau thường nên ở trước là độc nhất, diệu nghĩa bắt đầu sáng gọi là nói thành nhau.

Mười nghĩa trên đây đều là phân chia đại khái, chương trước chẳng phải không có ý sau, chương sau chẳng phải không có ý trước, nhưng một bề chỉ bày là từ số nhiều mà luận, cho nên có sự phân chia này.

Hỏi: Chia làm hai đoạn như mười môn trên, nếu không khai thì làm sao biết giáo pháp?

Đáp: Kinh tên là Diệu Pháp Liên Hoa, trước sau đều nói về Trung đạo, chánh quán không hai nên gọi là diệu, không đắc, không nương dựa, không đắm nhiễm nên gọi là Liên Hoa. Phạm phu đấm “có”, Nhị thừa mê “không”, Bồ-tát đấm Trung đạo, như vậy một và ba, thường, vô thường, cho đến một mảy may mê đấm đều là pháp thô, không gọi là diệu, đều là nhiễm ô, không phải Liên Hoa. Nay chỉ khiến đắc nhất chánh quán tức đầy đủ tất cả Phật pháp, chánh quán mầu nhiệm nên gọi là pháp diệu, đến như người dùng pháp này làm thân nên gọi là pháp thân. Chư Phật dùng pháp này làm tánh nên gọi là Phật tánh, chỉ một tự tại nên gọi là Nhất thừa, chẳng cảnh nào không chiếu nên gọi là Bà-nhã, chẳng hệ lụy nào không vắng lặng nên gọi là Niết-bàn, nên nói rằng: Bà-nhã là một pháp. Phật nói các môn gọi là tùy các chúng sanh, vì đó mà đặt ra các danh tự khác nhau, cho nên người học chỉ cần quán xét tâm thanh tịnh. Trong văn kinh chép: Phật vì một nhân duyên lớn mà xuất hiện ra đời, đó là khai tri kiến Phật, tri kiến Phật tức là chánh quán. Tuy có mười nghĩa nhưng nay tạm y theo thừa phương tiện thừa chân thật và thân phương tiện, thân chân thật, để chia thành hai đoạn.

Hỏi: Đoạn đầu nói về thừa chân thật, là nói nhân hay nói quả?

Đáp: Đoạn đầu nói lược rộng và đoạn sau làm chứng lời nói đều là khen ngợi trí tuệ của Phật, tức là nói về nghĩa của quả thừa. Sở dĩ như vậy vì gồm có hai nghĩa:

1. Quả thừa đức: chẳng có gì không tròn đầy, hệ lụy chẳng có gì không trừ hết nên gọi là diệu, có thể ví dụ như hoa sen. Hoa sen có đài, lá đầy đủ như đức chẳng có gì không tròn đầy, thanh tịnh không nhiễm ô, như hệ lụy chẳng có gì không trừ hết, cho nên nói thừa này là mầu nhiệm thanh tịnh bậc nhất, vì thế dùng quả thừa làm chính. Nhân thừa do đức chưa tròn đầy, hệ lụy chưa trừ hết nên gọi là diệu, thiếu hai nghĩa này nên không được dụ như hoa sen.

2. Phần đầu kinh chính là nói quả Nhị thừa là phương tiện, nên nói một Phật thừa là chân thật, tức khiến xả bỏ quả Tiểu thừa mà cầu quả Đại thừa, vì thế nói quả thừa là chính. Đã nói có một quả Phật thừa, tức là quả Nhị thừa thuộc về nhân thừa, khiến kia tu nhân Phật mà cầu quả Phật.

Hai đoạn trước sau mỗi đoạn chia làm bốn phần: Bốn đoạn trước gồm:

1. Lược bỏ ba bày một động chấp sanh nghi ngờ.
2. Động chấp sanh nghi bày tỏ nghi dẫn đến thưa thỉnh.
3. Rộng bỏ ba bày một tức dứt nghi sanh tín.
4. Nói về truyền bá.

Sở dĩ có bốn đoạn này là do đại chúng lúc này căn cơ Đại thừa đã phát động, ứng khai nói Nhất thừa, chỉ vì chấp Ba thừa đến nay đã lâu nên chưa được giảng rộng, tạm lược bỏ ba bày một để động chấp sanh nghi ngờ. Người lãnh thọ giáo pháp bỗng nghe thuyết phi thường, nên sanh tâm nghi, dẫn đến thưa hỏi. Động sự cố chấp nghĩa là đáng trừ bỏ, nghi ngờ sanh có lý đáng được hiểu, đã có lời xin nên có nhận lời thỉnh mà nói rộng, phá sự chấp ba thừa, dứt sự nghi ngờ mà sanh tin hiểu. Một châu này nói đã tròn đầy, còn muốn che chở xa đến đời vị lai, cho nên lần lược truyền bá.

Phần văn thể hiện bốn đoạn này là:

1. Từ phẩm Phương tiện cho đến hết phần văn xuôi và kệ tụng đầu là đoạn thứ nhất.
2. Từ câu: Bấy giờ trong đại chúng, cho đến hết ba lần xin của ngài Xá-lợi-phất là đoạn thứ hai.
3. Từ câu: Bấy giờ, đức Thế tôn bảo ngài Xá-lợi-phất cho đến hết phẩm Thọ Học Vô Nhân Ký gồm bảy phẩm rưỡi là đoạn thứ ba.
4. Một phẩm Pháp Sư là đoạn thứ tư.

Đoạn thứ nhất chia làm hai phần:

1. Nhân khen ngợi hai trí, dường như khai tông
2. Nói rõ, nói lược.

Sở dĩ trước dường như khai tông, phần sau lại nói lược, bởi lý Nhất thừa chân thật không thể nói thẳng, ba chấp không thể bác bỏ ngay. Nay muốn khai ngộ chúng sanh để dứt nghi, cho nên khen ngợi hai trí của Phật, chẳng phải chỗ hiểu biết của người Nhị thừa.

Khen ngợi hai trí của Phật tức là dường như nói lên chân thật, nói người Nhị thừa không biết tức dường như khai phương tiện. Chương trước đã có nghĩa dường như cho nên phần sau phải dần dần rõ ra; vì

chưa thể nói rộng nên gọi là nói lược.

Phần đầu chia làm hai, là văn xuôi và kệ tụng, văn xuôi lại có hai phần:

1. Nói lời kỳ diệu khen ngợi hai trí.
2. Im lặng mà khen ngợi hai trí.

Phần đầu lại có hai ý:

1. Khen ngợi hai trí của Chư Phật
2. Khen ngợi hai trí của đức Thích-ca

Phần khen ngợi hai trí của Chư Phật lại có hai ý:

1. Lời tựa của nhà dịch kinh nói Phật xuất định và xuất hiện người đối đáp.
2. Chính là khen ngợi hai trí.

“Lúc bấy giờ đức Thế: Phật nhập Tam-muội việc làm đã rồi, nay là lúc nói pháp đến nên xuất định. Nói theo ba nghiệp, thì nhập định là ý nghiệp làm lợi ích, phát ra ánh sáng là thân nghiệp làm lợi ích, nay muốn nói miệng nghiệp làm lợi ích nên xuất định. An lành: là bày tướng của bậc đại nhân, muốn nói pháp lớn nên trước phải bày tướng của đại nhân. Lại nữa, an lành là động tịch vô ngại, cho nên luận chép: Nói lên định lực tự tại của Như lai mà không ai kinh động nên gọi là an lành.

“Bảo với Xá-lợi-phất”: đó là nói với người đối diện.

Hỏi: Vì sao không bảo các Bồ-tát?

Đáp: Thanh Văn tự chấp mình là rốt ráo, vì muốn chê trách nên nói với họ, Bồ-tát không có chấp này nên không nói với Bồ-tát.

Hỏi: Vì sao không nói với Duyên giác?

Đáp: Trong hội Pháp Hoa không có người chứng quả Duyên giác, tuy có người tu nhân Duyên giác mà lợi căn không bằng Thanh Văn nên không nói.

Hỏi: Kinh này phần khai tông liền bảo với ngài Xá-lợi-phất, so với kinh Đại Phẩm có gì khác nhau?

Đáp: Kinh Đại Phẩm là thâm bảo, dùng thâm khai khiến người Tiểu thừa học Đại thừa. Kinh này là hiển bảo, nói lên khiến Thanh Văn tu đạo Bồ-tát.

Hỏi: Nếu vậy vì sao luận Trí Độ chép: Kinh Đại Phẩm chẳng phải bí mật, kinh Pháp Hoa là bí mật?

Đáp: Kinh Đại Phẩm không nói người Nhị thừa thành Phật, chỉ nói Bồ-tát thành Phật, nghĩa ấy dễ hiểu, như dùng cỏ thuốc làm thuốc, nên không gọi là bí mật Kinh Pháp Hoa nói Nhị thừa thành Phật so với xưa là khó hiểu, như lấy chất độc làm thuốc, nên gọi là bí mật.

Hỏi: Kinh này đối với ai là khó, dễ?

Đáp: Kinh Đại Phẩm xưa dạy A-nan là dễ hiểu, do Bồ-tát là bậc đại nhân lại nói bậc đại nhân thành Phật, cho nên A-nan liền hiểu, vì thế kinh Đại Phẩm phó chúc cho Ngài A-nan.

Kinh Pháp Hoa nói người Nhị thừa thành Phật khác với xưa dạy, đối với Thanh Văn là khó hiểu, cho nên kinh Pháp Hoa không phó chúc cho Ngài A-nan. Sở dĩ Phật bảo với Thanh Văn, theo ý của luận Pháp Hoa gồm có năm nghĩa:

1. Giúp Thanh Văn tu hành nhân Đại thừa
2. Giúp chứng được quả Đại thừa
3. Giúp Thanh Văn tu nhân Đại và quả Đại tâm không khiếp sợ.
4. Muốn giúp người khác khéo suy nghĩ nên nói, đối với người tâm Tiểu thừa còn nói họ thành Phật, huống là người khác há không cầu thành Phật sao?
5. Khiến hàng Thanh Văn không khởi tâm cho rằng việc phải làm đã làm xong, vì thế trước khiến họ chứng quả lớn, nay khiến họ bỏ quả nhỏ.

Hỏi: Vì sao không bảo các Thanh Văn khác mà lại bảo riêng Ngài Xá-lợi-phất?

Đáp: Ngài Xá-lợi-phất căn duyên thành thực, lãnh ngộ trước nhất, lại là đại tướng theo Phật xoay bánh xe pháp. Nay nói về bình đẳng trí tuệ bậc nhất, nên phải đối với người trí tuệ mà nói, cũng là thích hợp căn duyên.

“Trí tuệ của Chư Phật là sâu xa vô lượng”, đây là phần chánh khen ngợi hai trí của Chư Phật. Không có người xin mà Phật tự nói gồm có hai nghĩa:

1. Nói lên Như lai có tâm đại bi thuận nhất biết căn cơ động thì nói không đợi người xin. Ngài Tăng Triệu chép: Bạn chân thật không đợi mời, như mẹ hiền đến với con thơ.
2. Muốn nói lên lý sâu xa huyền diệu không ai có thể hỏi, cho nên tự nói. Như kệ sau chép: “Pháp đặc nơi đạo tràng, không ai có thể hỏi”.

Nói về trí tuệ, thì kinh nói khác nhau nhau, hoặc chỉ một quả trí gọi là Như thật trí. Nếu trong nhân mà chưa dứt hết hoặc thì sở chiếu chưa chân thật, quả địa hết hoặc nên trí tuệ chẳng có gì là không chân thật. Hoặc chia ra hai trí; chiếu “không” là Nhất thiết trí, thấy ở “có” là nhất thiết chủng trí, đây là từ chỗ chiếu hai đế mà gọi tên; do pháp không lìa chân, tục, nên trí chỉ khai ở hai. Hoặc khai ba trí, như phẩm Chúc Lụy ở

kinh này nói trí Phật, Như lai trí, tự nhiên trí, trí Phật là Nhất thiết chủng trí, Như lai trí tức Nhất thiết trí, tự nhiên trí tức vô công dụng trí. Hai trí trên tùy ý mà biết, không phải tác ý nên gọi là tự nhiên trí.

Lại nói là Bốn trí, như phẩm Thí dụ nói, ba trí trước đồng như trên, thứ tư là Vô sư trí. Vô sư trí là ba trí trên không từ thầy mà có. Bốn trí này là chánh tông của kinh nên gọi là trí tuệ của Chư Phật.

Văn này chia làm ba phần: nêu cả hai, giải thích cả hai kết luận cả hai.

Trí tuệ của Chư Phật, là nêu thật trí của Phật, rất sâu vô lượng là khen ngợi thật trí của Phật. Phạm phu, Nhị thừa và Bồ-tát đều không thể so lường nguồn trí của Phật nên gọi là rất sâu, cũng không thể so lường bờ mé trí Phật nên gọi là vô lượng.

Kinh Vô lượng thọ chép: Biển trí tuệ của Như lai là sâu rộng không có bờ, đáy, Nhị thừa chẳng thể so lường, chỉ có Phật mới biết.

Luận Pháp hoa nói về nghĩa rất sâu gồm có năm thứ:

1. Nghĩa rất sâu: tức là quả đức của Phật có Vô Lượng Nghĩa.
 2. Thể rất sâu: tức là pháp thân bình đẳng không có khác nhau.
 3. Nội chứng rất sâu: tức là Phật chứng pháp thân tương ứng với pháp thân, gọi là nội chứng.
 4. Y chỉ rất sâu: tức Chư Phật mười phương đồng y chỉ pháp thân.
 5. Vô thượng rất sâu, Bồ-đề vô thượng là sở chứng của Chư Phật.
- Quả đức thì phải có đủ năm thứ này.

Lại sự sâu xa thì bốn trường hợp cũng không thấy được bờ đáy của trí ấy nên gọi là rất sâu, trăm phi không so lường được bờ mé ấy nên nói là vô lượng.

Hỏi: Lẽ ra chỉ nói là sâu, sao gọi là rất sâu?

Đáp: Rất trong sâu nên gọi là rất sâu. Nhưng diệu quán của Như lai không hề có ngu hay trí, vì đối sự ngu của Nhị thừa nên gượng gọi là trí, cũng chẳng có sâu, cạn, lượng hay vô lượng, vì đối với Nhị thừa không thể so lường nên nói là vô lượng.

Kinh Hoa Nghiêm chép: Pháp giới chẳng có lượng cũng chẳng có vô lượng, đức Mâu-ni đều vượt ngoài lượng và vô lượng.

Lại khen ngợi nghiêng về hai trí của Phật, ý muốn nói chỉ có trí Phật là rốt ráo, các trí khác chưa rốt ráo, đây là nói lên rốt ráo để ngầm bác bỏ Nhị thừa chưa rốt ráo. Luận lại chép: Vì các đại chúng mà sanh tâm tôn trọng cuối cùng muốn nghe Như lai nói pháp, cho nên khen ngợi trí Phật.

Lại nói pháp gồm có hai môn là khen ngợi thuốc và cho thuốc.

Nay lược nói là khen ngợi thuốc, sau nói rộng là trao thuốc.

Hỏi: Đức của Phật là vô cùng, vì sao khen ngợi nghiêng về trí tuệ?

Đáp: Nhất thừa lấy muôn đức làm thể, ở trong muôn đức thì tuệ là chính, cho nên khen ngợi nghiêng về trí tuệ.

“Môn trí tuệ đó khó hiểu khó vào”: phần này nêu trí phương tiện, khen trí phương tiện. Trí tuệ ấy là trí tuệ đã nói trên, chữ môn là trí tuệ phương tiện, nói tất cả giáo là có cả trí Phật, cho nên dùng tất cả giáo làm môn trí tuệ Phật, chánh lấy tất cả giáo làm môn. Như phẩm Dược Thảo Dụ chép: Đối với tất cả pháp, trí phương tiện mà giảng nói, pháp được nói đó đều đến nhất thiết trí, đầy đủ làm chứng.

Lại nữa, giáo năng thông sanh quán giải, là giải là môn, nhưng giáo năng sanh thật giải, thì cùng thật giải làm môn, cũng khiến biết quyền và quyền giải làm môn.

“Khó hiểu khó vào”, ban đầu không thể biết là khó hiểu, sau không thể ngộ gọi là khó vào.

“Tất cả Thanh văn và Bích-chi-phật không thể biết được”: nói người không thể hiểu. Trên khen ngợi trí Phật sâu xa, là muốn nói lên Nhất thừa, môn trí tuệ ấy khó hiểu khó vào, cho đến Nhị thừa đều không thể biết, là muốn bác bỏ Nhị thừa. Sở dĩ Nhị thừa không thể biết, là vì Như lai đối với một mà nói ba, muốn cho do ba mà hiểu một, cho nên lấy ba làm một môn, người Nhị thừa bèn chấp ba, không thể do ba mà ngộ một, vì thế không thể biết ba thừa. Người Nhị thừa không hiểu ba, lại không nhập Nhất thừa, tức ở bên ngoài môn. Vì thế kệ sau có chép: “Còn đứng ở ngoài cửa”.

Hỏi: Trên đã nói khó hiểu khó vào, sao nay chỉ nói không thể biết?

Đáp: Nhị thừa còn không thể biết nói ba thừa là để biểu hiện Nhất thừa, huống gì có thể do ba để nhập Nhất thừa?

“Vì sao như vậy”: đoạn văn dưới đây là phần giải thích cả hai trí của Chư Phật.

Sở dĩ thật trí rất sâu vô lượng, quyền trí khó hiểu khó vào, do nhân thực hành đã chứa nhóm, cho nên quả sâu mâu khó hiểu khó vào, lẽ ra cũng đối với Nhị thừa. Sở dĩ không hiểu, là do gieo nhân đã gần mà quả trí lại chậm lụt nên không thể hiểu.

Văn này có hai phần: câu đầu nói gặp Phật đã nhiều, câu kế nói tu hành đã lâu. Phần sau lại có hai câu, câu đầu chính là nói tu hành tất cả hạnh, câu kế nói tuy tu hành mà siêng năng mạnh mẽ, câu đầu nói hạnh

là chỗ để cố gắng, câu sau nói siêng năng là tự cố gắng. “Tiếng tốt đồn khắp”: do đức vững ở bên trong nên tiếng tốt truyền ra bên ngoài. Sở dĩ biết Phật tu đủ các hạnh và tinh tấn mạnh mẽ, do lúc tu các hạnh thì tiếng tốt đồn khắp nên tự chứng biết.

Theo luận Nhiếp Đại thừa nói có bốn thứ tu:

1. Cúng dường vô lượng trăm ngàn Chư Phật, tức gần gũi rất nhiều Đức Phật, thời gian lâu dài, đây gọi là trường thời tu.

2. Thực hành tất cả vô lượng đạo pháp của các Đức Phật, chẳng có hạnh nào không tu, gọi là vô dư tu.

3. Mạnh mẽ tức lúc tu hành không có tâm biếng nhác, đây gọi là tôn trọng tu.

4. Tinh tấn tức là liên tục nghĩ đến pháp lành không để các niệm khác xen vào, gọi là vô gián tu. Trước là đốn phương tiện, nay là thường phương tiện tu bốn thứ này tức có đức bên trong, do đức bên trong đã đủ nên tiếng tốt đồn khắp.

“Thành tựu pháp rất sâu không hề có”, đây là câu nói kết thúc hai trí, trước là lời kết về thật trí, tùy theo sự thích ứng mà nói, kế nói lời kết về phương tiện trí. Sở dĩ nói lời kết là do có ba môn mà nêu ra, giải thích và kết thúc thì nghĩa mới đầy đủ.

“Xá-lợi-phất! từ khi ta thành Phật đến nay”: theo luận Pháp Hoa thì trước đã nói về môn diệu pháp công đức, nghĩa là diệu pháp Như lai chứng đắc rất sâu khó hiểu khó vào. Nay khen ngợi công đức Pháp sư của Như lai, do Phật thành tựu, các công đức nên có thể giáo hóa chúng sanh. Trước đã khen ngợi hai trí của Chư Phật, nay khen ngợi hai trí của đức Thích-ca. Sở dĩ trước nói về Chư Phật sau nói về đức Thích-ca, do chỉ bày sự ngộ dần cho chúng sanh. Trước nói Chư Phật là khai tông, sau nói đức Thích-ca là thuận theo, tức khiến người chấp ba thừa không sanh nghi ngờ chê bai. Văn này cũng có ba phần:

1. Khen ngợi quyền trí.

2. Khen ngợi thật trí.

3. Lại khen ngợi quyền trí

Hỏi: Nay khen ngợi hai trí của đức Thích-ca, có gì khác với trước?

Đáp: Gồm có ba nghĩa:

1. Trên là tóm lược khen ngợi hai trí, nay là khen ngợi rộng các đức, ban đầu lược sau rộng là vì giải nghĩa, hai trí là chủ của Nhất thừa, cho nên ban đầu lược khen ngợi hai trí, quả thừa chẳng có đức nào không đầy đủ, cho nên sau rộng khen ngợi các đức.

2. Khen ngợi Chư Phật từ thật mà khởi quyền, khen ngợi đức Thích-ca dùng quyền giải thích thật.

3. Khen ngợi Chư Phật nêu nhân giải thích quả, khen ngợi Đức Thích-ca là nêu quả giải thích quả.

Câu “từ khi ta thành Phật đến nay” là khen ngợi quyền trí gồm có hai nghĩa:

1. Như trên giải thích Chư Phật từ thật khởi phương tiện, nay từ phương tiện khởi thật.

2. Theo thế văn liên tục, trên nói lược trí phương tiện, nói về khó hiểu khó vào, nay giải thích rộng trí phương tiện nói ý khó hiểu khó vào. “từ khi ta thành Phật đến nay”: là nói thành đạo có hai nghĩa:

a) Hiện sanh cung vua, thành đạo ở Già-da, từ đây trở đi là thí pháp phương tiện.

b) Y theo đoạn văn sau nói thành Phật đã lâu, từ nay trở đi là ban pháp phương tiện, đây là nói về thời gian dùng quyền. Các thứ nhân duyên”, đây là nói về sử dụng quyền trí.

Nhân duyên tức là nhân duyên để độ người ba thừa, nói nhập đạo khác nhau, do sự nương duyên mỗi người khác nhau nên nói là các thứ. “Các thứ thí dụ”: gồm có hai nghĩa:

1. Vì người ba thừa mà nói các thí dụ, như luận Trí Độ chép: trong ba tạng, Phật vì các Thanh Văn mà nói các thí dụ, nhưng không nói về thí dụ thành Kiên-thất-bà, cho đến vì các Bồ-tát mà nói rộng mười loại thí dụ. Sở dĩ trong ba tạng không nói thí dụ thành Kiên-thất-bà, là vì ba tạng không nói bản tánh tất cả pháp vốn không, mà thí dụ thành Kiên-thất-bà nói về nhân năng thành và quả sở thành vốn không, cho nên trong ba tạng không nói Trong luận Thành Thật cũng có thí dụ này, dẫn thí dụ trong Bồ-tát tạng và trong pháp Tiểu thừa mà giải thích.

2. Hợp hạng người Ba thừa mà ví dụ, như ba chim thoát lưới, ba thú qua sông. “Rộng nói ngôn giáo”: trên là thí dụ, nay là pháp. “Dùng vô số phương tiện điều dắt chúng sanh”, trên nói thí dụ và pháp, đều khéo léo nên gọi là phương tiện. Lại nữa, thí dụ và pháp trên đều thuộc về miệng nghiệp, nay nói thân nghiệp hiện thân thông, ý nghiệp thâm giáo hóa, đó là dùng vô số phương tiện.

Luận Pháp Hoa chép: Phương tiện tức là từ cung trời Đâu-suất hiện sanh cho đến thị hiện nhập Niết-bàn. Lại chép: Vô số phương tiện là thị hiện tà pháp ngoại đạo, nói lên lỗi lầm trong ấy, thị hiện chánh pháp công đức. Lại có bốn thứ phương tiện:

1. Khiến nhập các pháp lành

2. Khiến dứt trừ nghi ngờ
3. Khiến nhập trí tăng thượng cao quý
4. Y theo bốn nhiếp pháp mà nhiếp lấy chúng sanh.

Nói tám tướng là chánh phương tiện, nay là chỉ bày tà phương tiện. “Dẫn dắt chúng sanh khiến xa lìa các chấp”, đây nói sử dụng ý phương tiện. Sở dĩ dùng vô số phương tiện là vì khiến chúng sanh xa lìa chấp trước. Do chúng sanh đắm nhiễm ba cõi, muốn giúp họ xa lìa nên nói pháp ba thừa, nhưng không nói thật có ba thừa rốt ráo, mà chúng sanh lại chấp ba thừa là rốt ráo, vì thế không hiểu ý Phật, nên đoạn văn trên nói khó hiểu khó vào.

Lại, Đức Phật lập ra phương tiện vốn là giúp cho chúng sanh lìa chấp trước, mà chúng sanh lại chấp ba thừa, đây là đắm ở chỗ vô chấp, vì thế không hiểu ý Phật. Luận Pháp Hoa chép: có bốn thứ chấp:

1. Chấp giới, tức chấp ba cõi.
2. Chấp địa, nghĩa là chấp từ Sơ thiên cho đến Phi phi tướng và định Diệt tận.
3. Chấp phần, nghĩa là phần tại gia và phần xuất gia. Phần tại gia là chấp mình đồng loại làm các thứ nghiệp và tà kiến. Phần xuất gia là chấp tiếng tăm lợi dưỡng, các thứ phiền não và hiểu biết.

4. Chấp thừa, là chấp Tiểu thừa và Đại thừa.

“Vì sao như vậy? Đức Như lai đầy đủ phương tiện v.v...”: đây là giải thích trí phương tiện. Do đức bên trong tròn đầy nên bên ngoài dùng sự khéo léo để lợi ích chúng sanh.

“Xá-lợi-phất! Tri kiến Như lai rộng lớn sâu xa”: đây là phần khen ngợi trí chân thật. Trên dùng phương tiện để nêu tri kiến, đó là trí phương tiện, nay nói thẳng tri kiến là rộng lớn sâu xa gọi là thật trí. Có bốn nghĩa để khen ngợi tri kiến:

1. Chiều không chỗ nào không đến nên gọi là rộng.
2. Vượt khỏi Nhị thừa nên gọi là lớn.
3. Chiều dọc không thể thấy đáy nên gọi là sâu.
4. Chiều ngang không thấy bờ mé nên gọi là xa.

“Đức vô lượng vô ngại lực”, xưa chép: Bốn tâm vô lượng gọi là vô lượng, bốn biện tài vô ngại gọi là vô ngại, nay y theo Luận Pháp Hoa mà nói vô chướng vô ngại. Trên đã nêu tri kiến, nay dùng hai môn để khen ngợi.

1. Rộng lớn sâu xa là khen ngợi trí tròn đầy.
2. Vô chướng vô ngại là khen ngợi sự hệ lụy không gì không trừ hết.

“Lực vô sở úy”, từ đầu phẩm cho đến đoạn này tuy có nói Chư Phật và đức Thích-ca nhưng chỉ là khen ngợi trí tuệ. Từ đoạn văn này về sau là khen ngợi đủ tất cả đức, không chỉ trí tuệ sâu rộng mà tất cả các đức cũng rất sâu rộng vô lượng. Sở dĩ khen ngợi đủ tất cả các đức, gồm có hai nghĩa:

1. Dùng các đức làm thừa, nay muốn khen ngợi Nhất thừa cho nên khen ngợi đủ tất cả đức.

2. Người mê hoặc nghe khen ngợi trí tuệ Phật sâu xa cho rằng còn lại các đức không được, cho nên khen ngợi các đức là sâu xa, chẳng phải chỗ hiểu biết của người Nhị thừa.

Mười lực là đức bên trong của Phật nên khen ngợi trước, do biết căn cơ, hiểu rõ thuốc nên nói mười lực, bên trong nói mười cảnh nên bên ngoài nói không sợ sệt, vì thế kế là nói lên sự vô úy. Nói lực vô úy là khen ngợi trí tuệ Phật; thiền định, giải thoát, Tam-muội là khen ngợi công Đức Phật. Thiền là Tứ thiền, định là bốn định Vô sắc, giải thoát là tám giải thoát, Tam-muội là không, vô tướng, vô nguyện, bốn môn này là theo thứ lớp. Ban đầu đặc Bốn thiền, kế là đặc Bốn không định, đủ tám thứ thiền này thì đặc tám giải thoát, do đặc tám giải thoát nên có thể chứng ba không môn. Nhưng đây đều là một thể, tùy theo nghĩa mà phân chia ra. Công đức chứa nhóm thì gọi là thiền, gồm nhiếp không tán loạn thì gọi là định, muôn lụy đều dứt gọi là giải thoát, tâm ấy ngay thẳng nên gọi là Tam-muội.

“Sâu vào chốn không ngần mé”, trên nói các tức chia ra tám khoa, nay khen ngợi chung, đối với mỗi đức, Phật đều biết rõ cùng tột, người khác không thể biết đến ngần mé nên nói là không ngần mé.

“Thành tựu tất cả các pháp không hề có”: trên chánh là khen ngợi các đức gồm tám khoa còn chưa hết, nên nay tông kết lời khen ngợi.

“Xá-lợi-phất! Như lai hay dùng các thứ phân biệt”: đây là phần khen ngợi lại quyền trí. Trên nói thành tựu tất cả pháp không hề có, do đức bên trong đã tròn đầy nên bên ngoài khéo nói pháp, khéo nói pháp gồm có hai nghĩa:

1. Khéo nói pháp.

2. Khéo thích hợp căn cơ.

“Lời lẽ êm dịu”: trên là khen ngợi bốn trí vô ngại, nay khen ngợi năm thứ âm thanh, ở đây khác với khen ngợi quyền trí ở trên. Trên là nói ý phương tiện, tức là khiến chúng sanh lia các chấp trước, không mê đắm Tiểu thừa, tức là bỏ Tiểu thừa. Nay khen ngợi đức khéo nói pháp của Phật, khiến chúng sanh ưa thích Đại thừa. “Xá-lợi-phất! Tóm

lại, vô lượng, vô biên pháp không hề có, Phật đều thành tựu”. Như lai chẳng những có lời lẽ khéo léo nói pháp Nhất thừa, mà còn đầy đủ công dụng cao quý của tất cả pháp ít có. “Thôi Xá-lợi-phất! Chẳng cần nói nữa”: đây là ngừng nói mà lại khen ngợi hai trí. Trên tuy khen ngợi trí tuệ sâu xa vô lượng, mà còn dính mắc danh ngôn, chưa cùng tận cái đẹp của khen ngợi. Còn như trí của người mà tâm thực hành đã dứt, ngôn ngữ cùng diệt, khen ngợi chỗ không thể khen ngợi, đó chính là sự cùng tận sự tốt đẹp về khen ngợi, cho nên tuy ngừng nói mà lại khen ngợi hai trí. Lại nói “Thôi” là tóm lại văn trên quy về chỗ không danh tướng. Trên là khai hai trí của Chư Phật và quyền trí, thật trí của đức Thích-ca, khen ngợi thật trí là sâu xa, khen ngợi quyền trí là khó hiểu khó vào, đây đều là ở chỗ không danh tướng mà mượn danh tướng để nói. Nhưng thật tướng các pháp là không hề có Chư Phật và Đức Thích-ca, sâu và không sâu, phương tiện và thật, vì thế Bát-nhã chép: Các pháp chẳng sâu, chẳng diệu, cho đến chẳng trí, chẳng ngu, chẳng quyền, chẳng thật.

Lại nữa, ngừng nói là muốn cho đại chúng khởi tâm tôn trọng đối với pháp, mà sau có ba lần xin cầu: lại muốn cho năm ngàn người tăng thượng mạn rời khỏi chỗ ngồi.

Luận Pháp Hoa chép: Chỉ bày pháp khí, tâm chúng sanh đã đầy đủ. Ý này nói Bồ-tát có căn tánh lạnh lợi, khi nghe lời nói trên thì đã liễu ngộ, không cần nói lại, cho nên ngừng nói. Theo ý này thì khi nói lược một châu chính vì Bồ-tát, do Bồ-tát có căn tánh lạnh lợi, nghe lược nói thì liền lãnh ngộ, hàng Thanh văn căn tánh chậm lụt chưa thể tỏ ngộ, vì thế ba lần cầu xin, khi nghe nói rộng mới được hiểu. Cho nên nói lược chung cho cả Đại thừa, Tiểu thừa, mà Bồ-tát hiểu trước, nên nói rộng là riêng cho Thanh Văn. Xưa cũng có sự giải thích như thế. Theo văn có hai phần:

1. Tuyên bố ngừng nói.
2. Giải thích vì sao ngừng nói.

Phần tuyên bố như văn trên, giải thích ngừng nói tức là câu “vì sao”, ở đây có hai ý:

1. Nói về pháp diệu: vì chúng sanh không hiểu nên không thể nói.
2. Chỉ có Phật mới hiểu được nên không cần nói; ý nghĩa vì sao không nói chỉ có hai điều này.

Hỏi: Xưa nay nói kinh này chiếu ba thừa là phương tiện, chiếu Nhất thừa là trí chân thật, thế ấy là có pháp, sao lại gọi là bất lời?

Đáp: Có người chép: Trí Nhất thừa là dứt bật ngôn ngữ của ba thừa. Lại có người vấn nạn: Tuy dứt bật ngôn ngữ ba thừa mà còn có ngôn ngữ của Nhất thừa, sao gọi là bật ngôn ngữ?

Lại hoặc nhất thừa dứt bật ngôn ngữ của ba thừa mà gọi là bật lời, thì ba thừa cũng dứt bật ngôn ngữ của nhất thừa, cũng là bật lời. Nếu ba thừa, Nhất thừa không dứt bật lẫn nhau, thì trâu, ngựa cũng chẳng thể không có. Nay nói đây chính là khen ngợi trí Phật, nên đoạn văn sau chép: “Trí tuệ mà Ta chứng đắc là mâu nhiệm bậc nhất”. Lại nói, “Pháp này không thể chỉ bày, tướng lời lẽ vắng lặng”. Vì thế trí tuệ của Như lai là chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng phải ba, không một, lia người, lia pháp, bật quán, bật duyên, tất cả danh ngôn đều không sánh bằng, nên nói là bật lời.

Kinh Đại Phẩm chép: Ban đầu Phật thành đạo thường ưa im lặng, không ưa nói pháp.

Sở dĩ không nói, theo Khổ sư thì nói sẽ mất đi sự chân thật của nó, người biết lại thành ngu, người chấp có thành trái với tánh, người chấp không thì thương tổn thân, vì nghĩa này cho nên không nói.

“Chỉ có Phật và Phật mới thấu tột”: ý lời này nói chỉ có Phật mới hiểu nên không cần nói. Thích luận chép: Nếu có hai Đức Phật đối nhau thì không có ngôn ngữ, tức là việc này.

“Thật tướng các pháp”: Luận Pháp Hoa chép: Thể của Như lai tạng pháp thân bất biến, cho nên ở đây vừa gọi là thật tướng, vừa gọi là Phật tánh chánh pháp, là tên khác của chánh quán.

“Các pháp tướng như vậy”, trước nêu thật tướng nghĩa là nhất tướng môn, sau nói mười việc là: tướng, tánh, thể, lực, tác, nhân, duyên, quả, báo, trước sau rốt ráo, là nêu sai khác tướng môn. Sở dĩ nói hai môn này, là nói các pháp không ngoài hai cảnh sai khác, vô sai biệt, trí của Chư Phật cũng không ngoài hai trí sai khác, vô sai biệt.

Biết vô sai biệt gọi là nhất thiết trí, tức Như lai trí, chiếu rõ ở sai khác gọi là Nhất thiết chủng trí, tức là trí Phật. Nay đã khen ngợi trí Phật, cho nên nêu cảnh để nói lên.

Hỏi: Lấy gì để biết hai nghĩa là sai khác và vô sai biệt?

Đáp: Phần kệ sau có nói đủ hai nghĩa này: “Như vậy quả báo lớn, các thứ nghĩa tánh tướng”. Đây là môn sai khác. “Pháp này không thể nói, tướng lời lẽ vắng lặng”. Đây là môn vô sai biệt. Nay nói sai khác, vô sai biệt; sai khác tự nhiên mà vô sai biệt, nên nói rằng: Không hư giả danh mà nói thật tướng. Tuy vô sai biệt mà tự nhiên sai khác, nên nói rằng: không động chân tế mà lập các pháp. Liễu ngộ như thế thì chỉ có

Phật nên khen ngợi trí Phật.

Hỏi: Câu trước nói chỉ có Phật và Phật mới biết cùng tận thật tướng các pháp, nay thì nói các pháp có tướng như vậy, tánh như vậy, tức là giải thích thật tướng. Vì sao nói trước là vô sai biệt, sau là sai khác?

Đáp: Trước nêu thật tướng, sau nói tánh tướng, là muốn nói sai khác, vô sai biệt, nên nêu sai khác để giải thích vô sai biệt.

Hỏi: Mười câu trong văn này là nói pháp gì?

Đáp: Nói chung tất cả các pháp đều đủ mười môn, nên trong luận Trí Độ nói tất cả pháp đều có chín thứ, cùng với đây là như nhau. Luận Pháp Hoa nói lược năm pháp, là chung tất cả pháp. Nay theo phần kệ sau, tạm nói nhân quả của Phật gồm có 10 pháp, vì thế kệ chép: “quả báo lớn như vậy, các thứ nghĩa tánh tướng”. Cho nên, biết là căn cứ nhân quả của Phật là nói nghĩa tánh tướng.

Nhân quả của Phật là gồm đủ muôn hạnh muôn đức, nay lại đối với nhân quả Bà-nhã để nói lên. “Tánh như vậy, tướng như vậy”. Tức là Bà-nhã không chấp

Là tướng, tướng không chấp trước thì thể không thay đổi nên gọi là tánh, Bà-nhã dùng chánh quán làm thể. Bà-nhã có công năng dứt hoặc nên gọi là lực, Bà-nhã có dụng chiếu cảnh nên gọi là Tác, từ chỗ tu tập không có sở đắc mà sanh quán nên gọi là Nhân, tức là nhân duyên trong bốn duyên. Do cảnh thật tướng phát trí thật tướng nên gọi là duyên, tức là duyên trong bốn duyên.

“Quả như vậy, báo như vậy”. Có chỗ nói: thể là một mà nghĩa là khác theo nhân lực làm quả, nghĩa đáp nhân làm báo.

Thảo luận Tỳ-đàm thì quả chung báo riêng. Hữu vi vô vi đều gọi là quả, báo chỉ là quả hữu vi. Chung thì có hữu lậu vô lậu, báo thì chỉ có hữu lậu, quả thì có cả ba tánh, báo thì chỉ có tánh vô ký.

Kinh Niết-bàn chép: Pháp vô lậu từ nhân sanh ra, lại không tạo nhân nên gọi là quả. Pháp hữu lậu lại năng sanh quả nên gọi là báo. Luận Nhiếp Đại thừa chép: Nghĩa sanh ra gọi là quả nghĩa thuần thực gọi là báo, cộng dụng gọi là quả, dụng riêng gọi là báo. Nay tạm y theo nghĩa nhân quả của Phật để giải thích: Bà-nhã là nhân, Tát-bà nhã là quả, năm độ là nhân, phước đức trang nghiêm là báo, đức của Phật đáp nhân là quả, khởi ứng dụng là báo, pháp thân là quả, báo thân là báo.

Cho nên, Kinh Niết-bàn chép: Niết-bàn vô nhân mà thể là quả, tức là pháp thân vốn có tu nhân, sở đắc nên gọi là báo. “Các thứ trước sau rốt ráo như vậy”, Bà-nhã làm nhân gọi là trước, Tát-bà nhã làm quả

gọi là sau, cũng nói rằng: do Tát-bà nhã nên nói Bà-nhã, nên Tát-bà nhã là trước, Bà-nhã là sau.

Luận Trí Độ chép: Bà-nhã là sanh nhân của Phật, Phật vì Bà-nhã mà nói nhân. Kinh Thập Địa chép: Thập địa như vậy là căn bản của Chư Phật, tức Thập địa là gốc, Phật là ngọn. Lại chép: Thập địa như vậy từ trí tuệ Phật sanh ra, tức Phật là gốc, Thập địa là ngọn. “Tất cả rốt ráo” tức thấu nhân quả trên quy về lý phi nhân phi quả không hai. Cho nên phẩm Dược Thảo Dụ chép: Rốt ráo Niết-bàn tướng thường vắng lặng cuối cùng trở về không. Kế là phần kệ tụng chia làm hai:

1. Kệ tụng nói nhờ ngôn từ khen ngợi hai trí.

2. Hai kệ tụng dứt ngôn từ, thêm khen ngợi hai trí. Trong văn xuôi thì phần nói khen ngợi hai trí chia làm hai, trước khen Chư Phật sau khen đức Thích-ca.

Nay phần kệ tụng lại chia làm hai ý khác:

1. Hai bài tụng đầu khen ngợi hai trí tuệ của Phật.

2. Hai bài kệ là giải thích sự khen ngợi hai trí.

Hai bài kệ đầu lại chia thành bốn cặp để giải thích:

1. Bài kệ đầu khen ngợi chung hai trí của Chư Phật, bài kệ khen ngợi hai trí của đức Thích-ca.

2. Bài kệ đầu khen ngợi chung đức của Phật, bài kệ kế là khen ngợi riêng đức của Phật. Cho nên kệ chép: “Phật lực chẳng sợ gì”: ở đây nói về thật trí của Phật. “Và pháp khác của Phật”, đây là trí phương tiện của Phật. Do trí phương tiện chỉ vì hóa tha nên gọi là pháp khác.

3. Bài kệ đầu là khen ngợi người, cho nên chép: “Đấng Thế Hùng khó lường”: Bài kệ kế là khen ngợi đức cùng tốt, nên chép: “Phật lực chẳng sợ gì”.

4. Kệ đầu là khen ngợi trí vô sai biệt, nghĩa là trong ngoài đều sâu xa duyên quán đều vắng lặng, bài kệ kế khen ngợi trí sai khác, sáng ở cảnh trí, như mười lực chiếu mười cảnh.

“Vốn từ vô số Phật, tu đầy đủ các đạo”: đây là hai bài kệ sau nêu nhân để giải thích quả, cũng chia ra hai phần:

1. Bài kệ đầu là nêu nhân để giải thích quả của Chư Phật.

2. Bài kệ sau là nêu nhân của đức Thích-ca để giải thích quả của đức Thích-ca.

Lại bài kệ đầu nêu nhân để giải thích quả là nói quả sâu xa mầu nhiệm chúng sanh không hiểu được. Bài kệ sau nêu nhân giải thích quả là nói chỉ có Phật mới hiểu được. Lại bài kệ đầu là nói về nhân tu hành của Phật cho nên có quả sâu xa, bài kệ kế là nói thực hành nhân đắc quả

mâu nhiệm. “Quả báo lớn như vậy”, đây là phần kệ tụng về ngừng nói lại khen ngợi hai trí. Trong văn xuôi thì trước nói nghĩa ngừng nói, sau giải thích ngừng nói, nay phần kệ tụng chỉ giải thích ngừng nói. Trong văn xuôi giải thích ngừng nói có hai ý, một là do chúng sanh không hiểu, hai là chỉ có Chư Phật mới biết cho nên ngừng nói. Nay tụng lại hai phần này gồm có mười ba hàng kệ rưỡi, chia làm bốn chương:

1. Một bài kệ nói chỉ có Phật mới hiểu được.
2. Một bài kệ rưỡi là nói chúng sanh không hiểu.
3. Chín bài kệ rưỡi là giải thích vì sao chúng sanh không hiểu.
4. Một bài kệ rưỡi là giải thích vì sao chỉ có Phật mới hiểu.

Trong văn xuôi thì trước nói chúng sanh không hiểu, sau nói chỉ có Phật hiểu, nay phần kệ muốn kể văn kệ trước nên trước nói chỉ có Phật mới hiểu. Nửa bài kệ trên là nêu pháp sở giải, nửa bài kệ dưới là nêu người năng giải.

“Quả báo lớn như vậy”, đây là nói hai câu quả và báo trong mười việc trên.

“Các thứ nghĩa tánh tướng”, tánh và tướng là tụng hai câu trong phần nhân, trong quả thì có pháp thân và báo thân, trong nhân thì có tướng bên ngoài và tánh bên trong.

“Pháp đó không thể chỉ”: đây là nói chúng sanh không hiểu, nửa bài kệ trên là nói pháp khó hiểu, nửa bài kệ dưới là nói người không hiểu. Nói pháp ấy không thể chỉ là do pháp của quả báo lớn, tướng lời lẽ vắng lặng, cho nên không thể chỉ. Trên nói trong chỗ không danh tướng mà mượn danh tướng để nói, nên chia nhân quả làm hai. Nhưng chia nhân quả làm hai vì muốn chúng sanh ngộ phi nhân phi quả, không hai cho nên nói là vắng lặng.

“Trừ các chúng Bồ-tát, người sức tin bền vững”, nửa bài kệ này là muốn giải Thích-câu nghi ngờ và bác bỏ Nhị thừa. Nói giải thích nghi ngờ, do kệ trước nói chỉ có Phật mới hiểu. Bài kệ kế là nói trừ Phật ra còn tất cả chúng sanh đều không hiểu, vậy thì chúng sanh nhờ đâu mà ngộ trí Phật? Vì thế giải thích rằng: Trừ các chúng Bồ-tát, người sức tin bền vững thì có thể tin hiểu, đến lúc thành Phật mới gọi là chứng hiểu.

Kinh Niết-bàn chép: Bồ-tát Thập địa gọi là văn kiến Phật tánh, chỉ có Phật mới được gọi là Nhân kiến Phật tánh. Phật tánh tức là trí tuệ của Chư Phật. Kinh Niết-bàn chép: Phật tánh gọi là bậc nhất nghĩa Không, bậc nhất nghĩa Không gọi là trí tuệ.

Nói bác bỏ Nhị thừa, vì chỉ có Bồ-tát mới tin hiểu được, tức nói lên Nhị thừa không thể tin, muốn cho Nhị thừa bỏ không tin mà được

tin.

“Các hàng đệ tử Phật”: phần này giải thích vì sao chúng sanh không hiểu, văn chia ba phần:

1. Nói Thanh Văn không hiểu.
2. Nói Duyên Giác không hiểu
3. Nói Bồ-tát không hiểu.

Ba bậc Thánh còn không hiểu, huống là chúng sanh sáu đường, cho nên không nói. Lại kệ đầu đã nói chúng sanh sáu đường không hiểu, nay chỉ nói ba thừa không hiểu.

Tóm lại, thì chú Trí của Như lai là phi Thánh phi phàm, bất duyên, bất quán, cho nên phàm Thánh, chúng sanh đều không thể hiểu.

Phần nói Thanh Văn không hiểu chia làm ba chương:

1. Nói Thanh Văn độn căn không hiểu.
2. Nói Thanh Văn lợi căn không hiểu.
3. Người lợi căn và độn căn cùng suy lường cũng không hiểu

được.

Chương đầu nói “Sức lực không kham nổi”, gồm hai nghĩa:

1. Trước nói Bồ-tát có khả năng tin hiểu, nay nói chung lợi căn, độn căn, tất cả Thanh Văn không thể tin hiểu, nên nói rằng sức không kham nổi.

2. Muốn nói Thanh Văn độn căn không thể hiểu ở trí Phật, nên nói rằng không kham nổi.

Hai chương kế như văn đã nói dễ biết.

“Duyên Giác trí lanh lợi”: đây nói người Duyên Giác không hiểu. Thanh Văn thì nêu đủ cả lợi căn và độn căn, Duyên giác thì chỉ nêu người lợi căn. Luận Trí Độ chép: Người Duyên Giác độn căn còn không bằng Ngài Xá-lợi-phất, cho nên không nêu.

“Bồ-tát mới phát tâm”, đây là nói Bồ-tát không hiểu, văn chia hai phần:

1. Nói Bồ-tát mới thực hành không hiểu.
2. Bồ-tát Bất thoái trở lên không hiểu, ở đây chia làm hai hạng

người:

1. Nói người Tiểu thừa không hiểu, trong Tiểu thừa thì có Thanh Văn, Duyên giác.

2. Nói người Đại thừa không hiểu, trong Đại thừa thì có mới phát tâm và thực hành, cộng với sáu đường hợp thành mười người.

Hỏi: Vì sao người Nhị thừa và Bồ-tát không hiểu?

Đáp: Trước đã giải thích rồi, nay lại nói vì sao Nhị thừa không hiểu.

Do có tâm chấp thường, chấp đoạn, có sở đắc, làm sao hiểu được chánh quán không thường, không đoạn, không có sở đắc của Chư Phật!

Hỏi: Hàng Nhị thừa cũng có không thường không đoạn vì sao nói đều là chấp đoạn chấp thường?

Đáp: Nhị thừa chính là không chấp thường chấp đoạn của phàm phu ngoại đạo, nhưng nếu theo Chư Phật Bồ-tát thì tâm có ngăn, có khởi vào thường, đoạn. Trung luận chép: Nếu có chỗ thọ pháp thì rơi vào thường, đoạn.

Nói Bồ-tát không hiểu, như người không biết quả thì nói dễ tin, như kinh Niết-bàn chép: Bồ-tát Thập trụ có chỗ trụ nên thấy không liễu mà liễu, Chư Phật Như lai không có chỗ trụ nên thấy liễu là liễu.

“Lại bảo Xá-lợi-phất, pháp nhiệm mầu rất sâu, vô lậu khó nghĩ bàn”: đây là phần giải thích chỉ có Phật mới hiểu. Vô lậu khó nghĩ bàn, trên nói Nhị thừa vô lậu, đó là vô lậu nói theo luận Thành Thật và Tỳ-đàm, nay nói chung người Nhị thừa và Bồ-tát đều là hữu lậu, do có tâm sở đắc chưa thanh tịnh. Pháp này không có các lậu trên nên gọi là vô lậu. Khó nghĩ bàn, do tâm thực hành đã dứt nên không thể suy nghĩ, lời lẽ cũng dứt nên không thể nghĩ bàn. Do trí tuệ Phật là khó nghĩ bàn nên phàm, Thánh, Đại thừa, Tiểu thừa đều không thể hiểu, tức đã giải thích nghĩa trên.

“Chỉ ta biết tướng đó, mười phương Phật cũng vậy”, nửa bài kệ này là nói chỉ có Phật và Chư Phật mới hiểu.

“Xá-lợi-phất phải biết, lời Phật nói không khác”: phần này là nói lược, chương trước đã dùng hai chữ dường như, nên phần này nói là rõ ràng, vì văn rộng mà nói ít nên gọi là nói lược. Văn này kế phần trên xuống là: Trên đã nói chúng sanh chín đường không hiểu trí Phật, chỉ có Phật mười phương mới hiểu, lại sợ Nhị thừa tự cho là bật không sanh tâm tin nhận, nên nay nói lược hai trí quyền và thật khiến sanh tâm tin nhận, nên có văn này kế theo. Văn chia làm hai phần:

1. Nói Chư Phật để bày nhất thừa.

2. Nói đức Thích-ca để chia ra ba thừa.

Mỗi phần lại chia làm ba, phần đầu có ba ý:

1. Nửa bài kệ nêu nói của Chư Phật là như nhau.

2. Nửa bài kệ kế là khuyên nên tin nhận.

3. Nửa bài kệ sau là chính là nói lên chân thật.

“Lời Phật nói không khác”: vì lý đã không hai, giáo pháp biểu hiện ở lý nên giáo pháp cũng không khác. Phật lại sợ chúng lúc ấy nghĩ rằng xưa nói ba nay nói một là có khác nhau, nên nay nói lời Phật là

không khác.

Lại nữa, xưa nói ba thừa chẳng phải chân thật thì lời nói có thể khác, nay Nhất thừa đã là chân thật nên nói không thể khác.

“Nên sanh sức tin lớn”: xưa tin Ba thừa gọi là tin nhỏ, nay tin Nhất thừa gọi là tin lớn.

“Cần phải nói chân thật”, Chư Phật nói pháp do thích ứng cơ duyên nên khác nhau nhau, hoặc trước sau đều nhỏ, hoặc trước sau đều lớn, hoặc trước nhỏ sau lớn, hoặc trước lớn sau nhỏ. Tóm lại, thời gian sau nhất định là nói lớn, do không trụ trong bốn thừa thì sẽ thành Phật, vì thế thời gian sau nhất định là nói nhất thừa việc này là quyết định nên chép: “Pháp của Phật về sau, cần phải nói chân thật”.

Kế là nói phần đức Thích-ca khai ra ba thừa:

1. Một hàng kệ nói với người đối diện.
2. Nửa bài kệ nói khai mở phương tiện.
3. Nửa bài kệ giải thích ý khai mở phương tiện.

“Chỗ nào cũng tham đắm”: tức là nói tham đắm ba cõi, do chứng sanh chấp ba cõi nên giả nói ba thừa để dẫn dắt khiến ra khỏi, vì muốn ra khỏi ba cõi nên nói ba thừa, mà không nói đạo lý có ba thừa nói ở ba. Lại nữa, do đại chúng nghi rằng: Đạo lý đã không có ba, vì sao nói ba? Vì thế giải thích rằng: Do chúng sanh chấp ba cõi, vì muốn dẫn dắt ra khỏi nên nói ba thừa:

“Khi ấy, trong đại chúng có Thanh Văn v.v...” đây là đoạn lớn thứ hai nói đại chúng sanh nghi và bày tỏ sự nghi để cầu đáp, văn chia hai phần:

1. Nói về sanh nghi.
2. Nói về cầu đáp.

Phần sanh nghi lại chia làm hai phần:

1. Nói chúng có nghi như trong văn.
2. Nói sự nghi ngờ của chúng tức câu: “mỗi người tự suy nghĩ”.

Phần hai này lại chia làm ba:

1. Nhắc lại hiện tại nghi.
2. Nói thuở xưa nghi
3. Xưa và nay đều nghi.

“Vì sao hôm nay Đức Phật lại ân cần khen ngợi pháp phương tiện”. Trên Đức Phật đã khen ngợi hai pháp quyền và thật, nay nghiêng về nghi phương tiện, chính là dùng phương tiện để phá người Nhị thừa chấp Ba thừa là thật. Lại muốn trước mở cửa phương tiện để sau chỉ bày tướng chân thật.